

BIỂU THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT CÁC ĐƠN VỊ TRƯỜNG HỌC THUỘC PHƯỜNG TÂN PHONG

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /8/2026 của UBND phường Tân Phong)

STT	Xã/ Phường	TRƯỚC SÁP NHẬP															SAU SÁP NHẬP												
																	SỐ LƯỢNG CSVT BỐ TRÍ TRONG NĂM HỌC 2026-2027												
		Cấp học	Tên trường	Loại hình trường	Số phòng học	Phòng học bộ môn	Phòng hỗ trợ học tập	Phòng phụ trợ	Phòng hành chính quản trị	Thư viện/Thiết bị	Nhà đa năng	Khu sân chơi TDTT	Bãi tập	Phòng ở bán trú/nội trú	Công trình công cộng khác	Ghi chú	Số phòng học	Phòng học bộ môn	Phòng hỗ trợ học tập	Phòng phụ trợ	Phòng hành chính quản trị	Thư viện/Thiết bị	Nhà đa năng	Khu sân chơi TDTT	Bãi tập	Phòng ở bán trú/nội trú	Công trình công cộng khác	Ghi chú	
1	Tân Phong	Mầm non	Mầm non Tân Phong	Trường thường	11	1	0	2	8	0	0	1	0	0	0		50	6	0	8	34	1	0	9	0	0	0		
2			Mầm non Hoa Hồng	Trường thường	18	2	0	2	11	1	0	2	0	0	0														
3			Mầm non Sao Sáng	Trường thường	8	1	0	2	7	0	0	1	0	0	0														
4			Mầm non Nùng Nàng	Trường thường	13	2	0	2	8	0	0	5	0	0	0														
5			Mầm non Đông Phong	Trường thường	12	2	0	2	7	0	0	1	0	0	0		55	8	0	8	32	0	0	10	0	0	0		
6			Mầm non Hòa Mi	Trường thường	14	1	0	2	6	0	0	1	0	0	0														
7			Mầm non San Thàng	Trường thường	14	4	0	2	12	0	0	2	0	0	0														
8			Mầm non Bản Giang	Trường thường	15	1	0	2	7	0	0	6	0	0	0														
9		Tiểu học	Tiểu học Tân Phong	Trường thường	18	4	4	5	9	2	0	1	1	0	0		39	7	7	8	17	4	0	2	1	0	0		
10			Tiểu học Số 2	Trường thường	21	3	3	3	8	2	0	1	0	0	0														
11			Tiểu học Kim Đồng	Trường thường	20	5	5	11	9	2	0	1	1	0	0		63	12	13	16	27	5	0	7	4	0	0		
12			Tiểu học San Thàng	Trường thường	20	4	5	2	10	2	0	2	2	0	0														
13			Tiểu học Bản Giang	Trường thường	23	3	3	3	8	1	0	4	1	0	0														
14			THCS	THCS Bản Giang	Trường thường	9	5	5	3	4	2	0	1	0	0	0		27	14	11	5	14	3	1	2	1	0	0	
16			THCS	THCS Tân Phong	Trường thường	18	9	6	2	10	1	1	1	1	0	0													
17			THCS	THCS Đông Phong	Trường thường	16	2	4	12	9	1	1	1	1	0	0		26	7	7	16	10	2	1	2	2	0	0	
18			THCS	THCS San Thàng	Trường thường	10	5	3	4	1	1	0	1	1	0	0													
15				TH&THCS	PTDTBT TH&THCS Nùng Nàng	PTDTBT TH&THCS	34	3	4	3	7	1	0	2	0	8	0		34	3	4	3	7	1	0	2	0	8	0
Tổng					294	57	42	64	141	16	2	34	8	8	0	0	294	57	42	64	141	16	2	34	8	8	0	0	